

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/DS-ST**

Ngày: 23-11-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liễu.

2. Bà Trần Thị Hoa .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST- DS ngày 06/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 N 2021 và Thông báo dời thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 583/TB-TA ngày 08 tháng 11 N 2021, giữa các đương sự:

- ***Đồng nguyên đơn:***

1. Ông Trương Văn Th, sinh năm: 1973.

2. Bà Trần Thị Kim Ng, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số X, Tổ 2, Ấp Y, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị Thúy H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp Y, xã N, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- ***Đồng bị đơn:***

1. Anh Mai Thế N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số X, Tổ 3, Ấp Z, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Tổ 2, Ấp Y, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số X, Tổ 3, Ấp Z, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị M, sinh năm: 1988; (vắng mặt). Địa chỉ: Số A, Tổ 2, Ấp Y, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/01/2020, bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đinh Thị Thuý H trình bày:

Ngày 24/01/2019, ông Trương Văn Th và bà Trần Thị Kim Ng có thỏa thuận bán tiêu ngon cho anh Mai Thế N và anh Phạm Văn T với giá 90.000.000 đồng, ngày viết hợp đồng mua bán bên mua đã đặt cọc 45.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán vào ngày 30/01/2019. Các bên thỏa thuận bên mua chỉ trả toàn bộ tiền công hái tiêu, cung cấp chế phẩm để đặc trị bệnh cho tiêu, chủ vườn tiêu chịu trách nhiệm phun xịt theo hướng dẫn bên mua. Bên bán có nhiệm vụ giám sát công hái tiêu, phun xịt và chăm sóc vườn tiêu theo yêu cầu bên mua.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì bên mua trả tiếp 10.000.000 đồng. Còn lại số tiền 35.000.000 đồng cho đến nay bên mua vẫn chưa thanh toán đủ cho bên bán. Trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/01/2020 ông Th, bà Ng có yêu cầu anh N, anh T, chị L và chị M thanh toán tiền công hái tiêu 4.725.000 đồng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và phân thủ tục phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị M và chị Nguyễn Thị Ngọc L và rút yêu cầu buộc anh T, anh N và chị L, chị L phải thanh toán số tiền công hái tiêu 4.725.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua tiêu ngon còn nợ 35.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/01/2019 – 30/4/2021 là $35.000.000 \text{ đồng} \times 0,834\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 7.881.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi tính tiếp đến khi xét xử xong vụ án.

Ngoài ra chị H không trình bày, cung cấp tài liệu gì khác.

-Theo bản tự khai các ngày 17/3/2020, 20/4/2021; biên bản làm việc ngày 25/01/2021, 28/5/2021 và tại phiên tòa bị đơn anh Mai Thế N trình bày:

Năm 2019 anh và anh T có làm ăn chung với nhau nên thỏa thuận mua tiêu lá (mua mả vườn) của vợ chồng ông Th với giá 90.000.000 đồng, anh và anh T mỗi người góp 45 triệu nên ngày 24/01/2019 anh, anh T và vợ chồng ông Th viết hợp đồng mua bán và anh đã giao 45.000.000 đồng cho vợ chồng ông Th, anh xác định đây là số tiền của cá nhân anh. Sau khi ký hợp đồng mua bán xong, vợ chồng anh T là người trực tiếp vào coi và hái tiêu, khoảng 02 tháng thì khi thu hoạch xong tiêu để ở nhà anh T, chưa kịp bán thì phía chủ nợ của anh T vào nhà lấy tiêu cần nợ, số tiêu còn lại khoảng 400 kg anh mang về nhà.

Tiền mua tiêu phần góp vốn của anh là 45.000.000 đồng đã thanh toán đầy đủ cho ông Th, bà Ng nên anh không còn nghĩa vụ gì trong giao dịch mua bán này, số tiền vợ chồng ông Th yêu cầu là nghĩa vụ của anh T phải trả. Do đó anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặt khác tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không có trong hợp đồng mua bán nên anh không đồng ý.

Ngoài ra anh N không trình bày, cung cấp tài liệu gì khác.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2021 bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh thừa nhận anh và anh T có góp vốn mua vườn tiêu của vợ chồng ông Thanh, bà Ng với giá 90.000.000 đồng, bên bán cam kết sản lượng thu hoạch đạt 02 tấn, hai bên có lập hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019 anh soạn nội dung hợp đồng và chữ ký, chữ viết ở mục bên mua là của anh. Ngày ký hợp đồng anh N đã đưa cho anh 45.000.000 đồng để thanh toán trước cho vợ chồng ông Th. Anh thừa nhận còn lại số tiền 35 triệu chưa thanh toán cho vợ chồng ông Th, khi thu hoạch tiêu thì em của ông Th đến lấy 600kg tiêu cần số nợ cá nhân của anh T vay, còn 400kg tiêu thì anh N mang về nhà. Anh xác nhận vợ anh chị Trần Thị M không tham gia và không liên quan đến việc đầu tư mua vườn tiêu này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th và bà Ng thì anh không đồng ý thanh toán.

Ngoài ra anh T không trình bày, cung cấp tài liệu gì khác.

- Theo bản tự khai ngày 09/4/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị M trình bày:

Việc chồng chị là anh T và anh N có góp vốn mua vườn tiêu của vợ chồng ông Th với giá 90.000.000 đồng nhưng chị cũng không biết cụ thể mỗi người góp bao nhiêu tiền vì anh T không bàn bạc với chị cũng như số tiền anh T đầu tư vườn tiêu là tiền riêng của anh T. Đến khi thu hoạch tiêu thì chủ nợ anh T đến lấy tiêu cần nợ số nợ cá nhân của anh T còn phần tiêu còn lại anh N đem về nhà nhưng chị không biết chính xác là bao nhiêu ký tiêu. Việc mua bán vườn tiêu là với vợ chồng ông Th chị không tham gia nên chị xác định không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra chị M không trình bày, cung cấp tài liệu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên chị L vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án

ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị M và chị Nguyễn Thị Ngọc L và tiền công hái tiêu. Căn cứ Điều 244 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Trần Thị M, chị Nguyễn Thị Ngọc L và số tiền công hái tiêu 4.725.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện: Ông Th, bà Ng khởi kiện yêu cầu anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua tiêu ngon còn nợ 35.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/01/2019–30/4/2021 là 35.000.000 đồng x 0,834%/tháng x 27 tháng = 7.881.000 đồng và tiền lãi tính tiếp đến khi xét xử xong vụ án.

Theo hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019 các bên đã thừa nhận có thỏa giao dịch mua bán vườn tiêu ngon với giá 90 triệu, đã thanh toán 55 triệu, còn lại 35 triệu, bên mua anh N, anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 31/01/2019 như vậy căn cứ Điều 275, 288 BLDS có đủ cơ sở buộc anh N, anh T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc 35 triệu. Căn cứ các Điều 357, 440, 468 BLDS bên mua đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi theo quy định do đó có sở buộc anh N, anh T nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/01/2019 đến ngày xét xử vụ án (ngày 23/11/2021) với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền trong hợp đồng mua bán là 44.838.000 đồng (trong đó gốc: 35.000.000đ, tiền lãi: 9.838.000đ).

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Mai Thế N và anh Phạm Văn T hiện cư trú tại xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS).

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Th, bà Ng khởi kiện yêu cầu anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua tiêu ngon còn nợ 35.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/01/2019 – 30/4/2021 là $35.000.000 \text{ đồng} \times 0,834\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 7.881.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi tính tiếp đến khi xét xử xong vụ án. Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự (viết tắt: BLDS); khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Ông Trương Văn Th, bà Trần Thị Kim Ng là đồng nguyên đơn; anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T là đồng bị đơn; chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Trần Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 của BLTTDS.

[4] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Trần Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn anh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, chị M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, tổng đạt tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/4/2021 (bút lục 72) và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị M, chị Nguyễn Thị Ngọc L và rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền công hái tiêu là 4.725.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Căn cứ Điều 244 của BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Thị M, chị Nguyễn Thị Ngọc L và số tiền công hái tiêu 4.725.000 đồng.

- Về nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn: Đối với hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019 thể hiện bên bán ông Th, bà Ng và bên mua anh N, anh T đã thoả thuận mua toàn bộ vườn tiêu diện tích 7.000m² (theo hình thức mua tiêu ngon) để về đầu tư với giá 90.000.000 đồng. Bên mua đã thanh toán một phần tiền là 45.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/01/2019 sẽ thanh toán 45.000.000 đồng còn lại cho bên bán. Bị đơn anh N và anh T đã thừa nhận các bên có ký hợp đồng như trên, thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng là của mình, bị đơn cũng xác nhận hiện còn nợ 35.000.000đ chưa thanh toán cho nguyên đơn. Quyền sở hữu về hạt tiêu thuộc về đồng bị đơn kể từ ngày các bên ký hợp đồng mua bán. Do đó căn cứ

khoản 2 Điều 92 BLTTDS nguyên đơn không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện trên.

- Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Thh, bà Ng yêu cầu anh N, anh T có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua tiêu ngon còn nợ là 35.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Theo hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019 (bút lục 73), thể hiện bên mua gồm anh Mai Thế N và anh Phạm Văn T, theo lời khai của các bên thì ngày ký hợp đồng bên mua đã đưa thanh toán 45.000.000 đồng và các bên thừa nhận 45.000.000 đồng là của anh N. Tuy nhiên trong hợp đồng mua bán tiêu ngon (theo tập quán địa phương) không thể hiện sự thoả thuận chia phần nghĩa vụ thanh toán giữa anh T và anh N. Ngoài ra, trong hợp đồng ngoài số tiền mua tiêu ngon, các bên còn thoả thuận về cung cấp chế phẩm thuốc đặc trị bệnh, tiền công hái tiêu là do bên bị đơn chịu.

Anh N có trình bày anh có ghi âm đoạn thoại giữa anh T và anh có thoả thuận mỗi người có trách nhiệm góp 45.000.000 đồng tiền mua tiêu ngon, nghĩa vụ trả số tiền còn lại là của anh T nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh vấn đề trên mặc dù Tòa án có thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ để xem xét. Mặt khác, trong hợp đồng mua bán tiêu ngon các bên không thoả thuận việc chuyển giao nghĩa vụ, nguyên đơn không được thông báo việc chuyển giao nghĩa vụ giữa anh N và anh T theo Điều 370 BLDS. Do đó, căn cứ các điều 275, 288 của BLDS nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và anh N, anh T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới.

Khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định việc giao nộp chứng cứ như sau: *“Trong quá trình Toà án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ cho Toà án. ... Nếu đương sự không nộp hoặc nộp không đầy đủ ... thì Toà án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ ... đã thu thập được giải quyết vụ việc dân sự”*.

- Xét yêu cầu tiền gốc: Bị đơn đã thừa nhận còn nợ số tiền gốc 35.000.000đ chưa thanh toán cho nguyên đơn nên có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/01/2019 đến 30/4/2021 là 27 tháng, lãi suất 0,834%/tháng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử xong vụ án.

Theo hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019 bên mua anh N, anh T hẹn trả 45.000.000 đồng còn lại vào ngày 30/01/2019, tuy nhiên anh T chỉ thanh toán 10.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng vẫn chưa thanh toán. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền, nên đồng bị đơn phải chịu thanh toán tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán từ ngày 31/01/2019 đến 23/11/2021 (ngày xét xử) là 02 năm 09

tháng 22 ngày. Do trong hợp đồng không quy định tiền lãi nhưng do bên mua đã vi phạm thời hạn thanh toán nên căn cứ Điều 468 BLDS lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20%/năm) là 10%/năm.

Theo đó căn cứ Điều 357, 468 BLDS lãi suất chậm trả là: 35.000.000 đồng x 10%/N x 02 N 09 tháng 22 ngày = 9.837.753 đồng (làm tròn 9.838.000 đồng).

Căn cứ Điều 440 BLDS quy định bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định do đó buộc anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.838.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Thanh, bà Ng được chấp nhận nên buộc anh N, anh T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.241.900 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 370, 275, 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Trần Thị M, chị Nguyễn Thị Ngọc L về yêu cầu thanh toán tiền mua bán tiêu.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu số tiền công hái tiêu là 4.725.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Thanh, bà Trần Thị Kim Ng về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T liên đới thanh toán số tiền trong hợp đồng mua bán là 44.838.000 đồng (trong đó tiền gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.838.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Mai Thế N, anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 2.241.900 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn anh Mai Thế N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Phạm Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị M, chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái